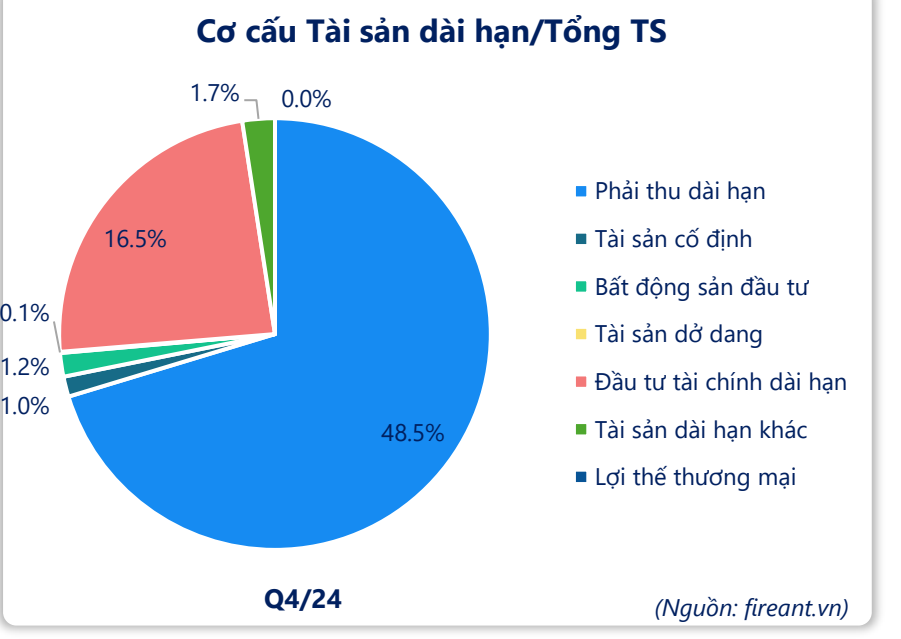
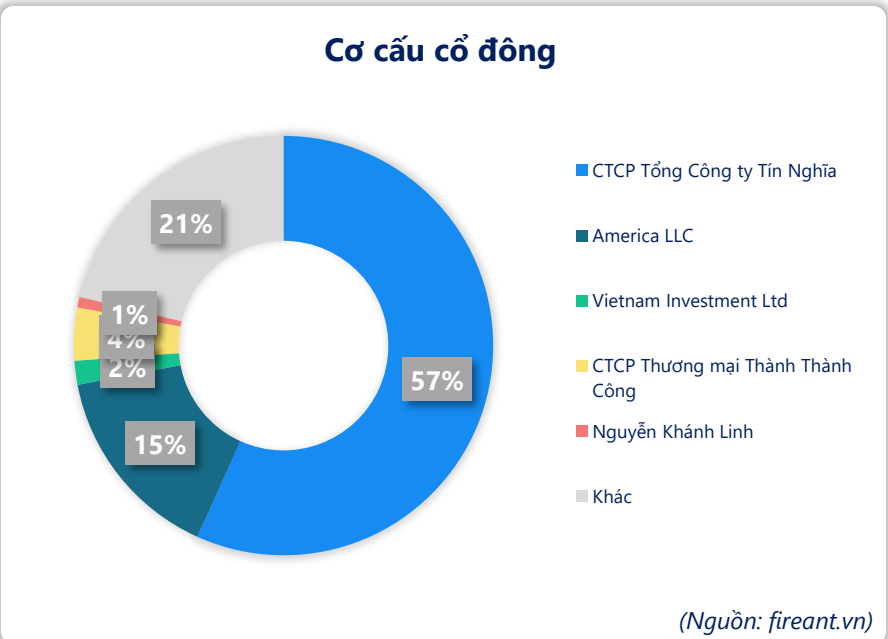
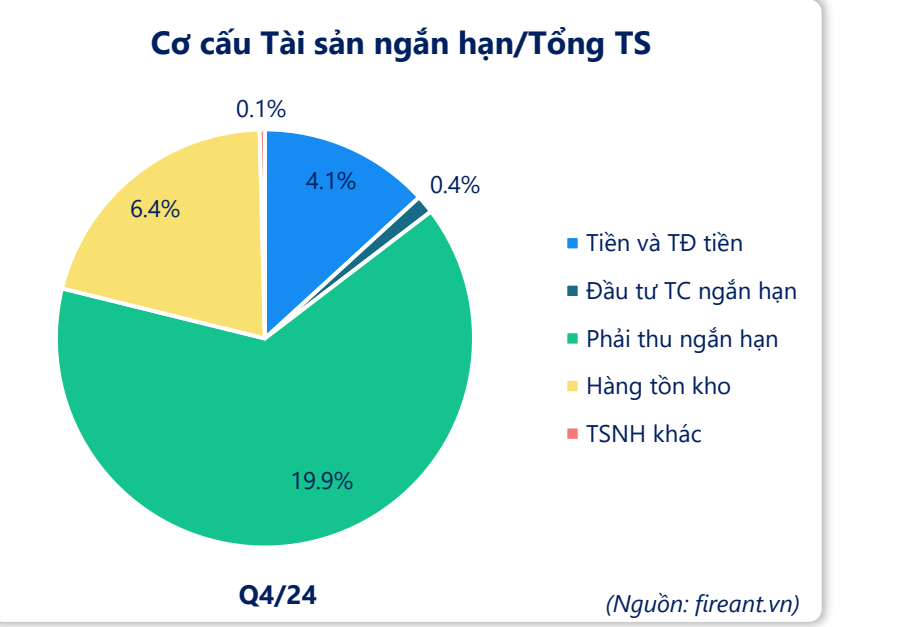
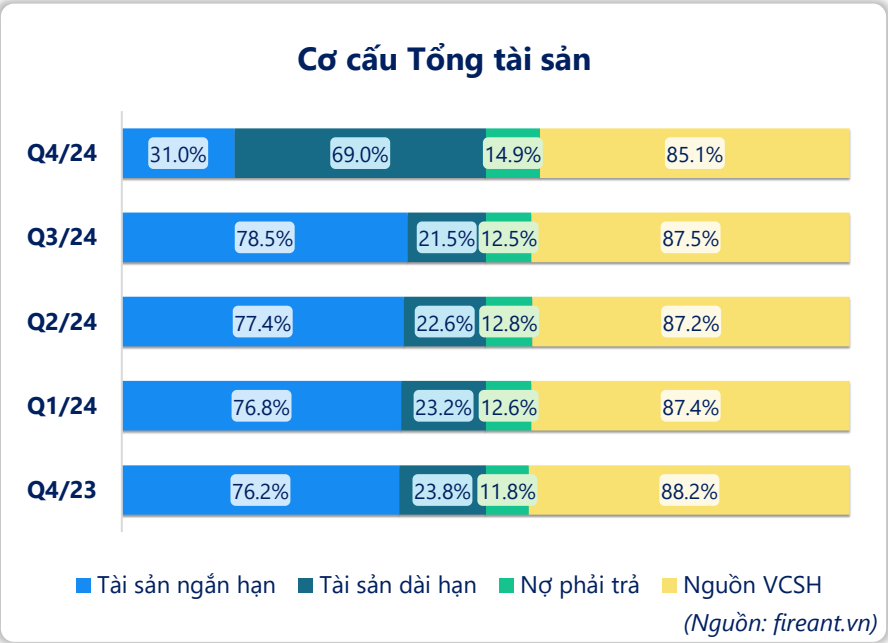
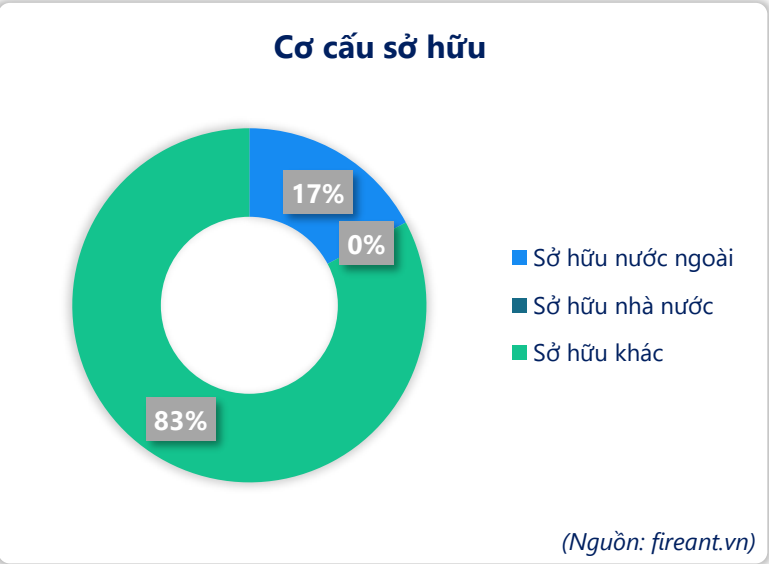
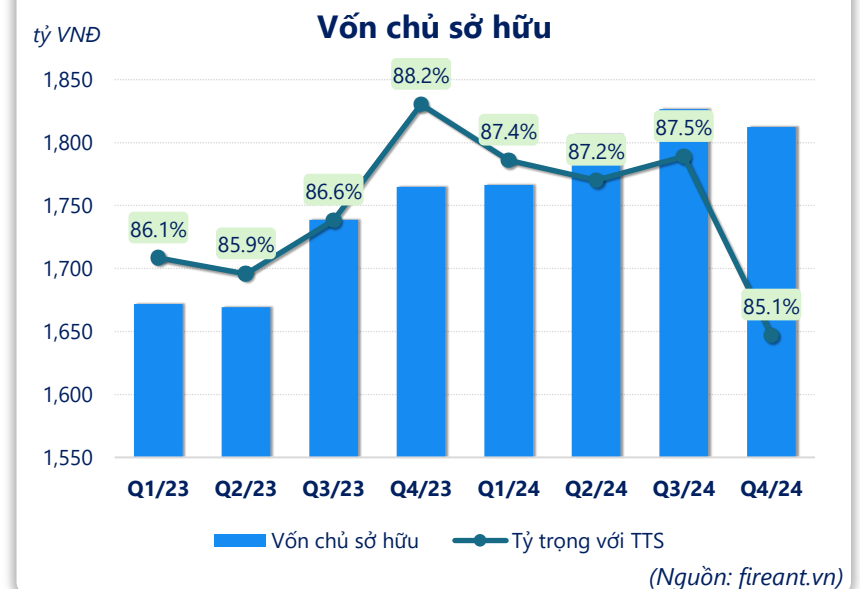
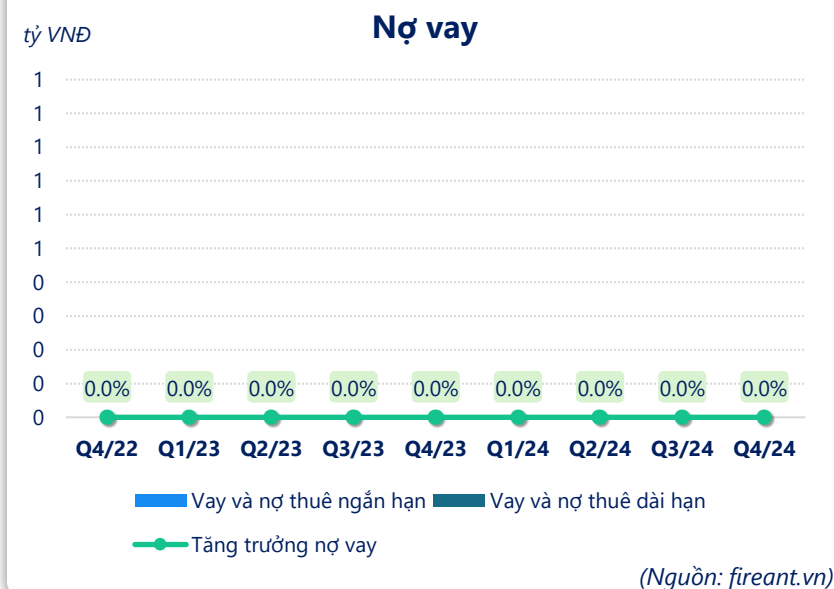
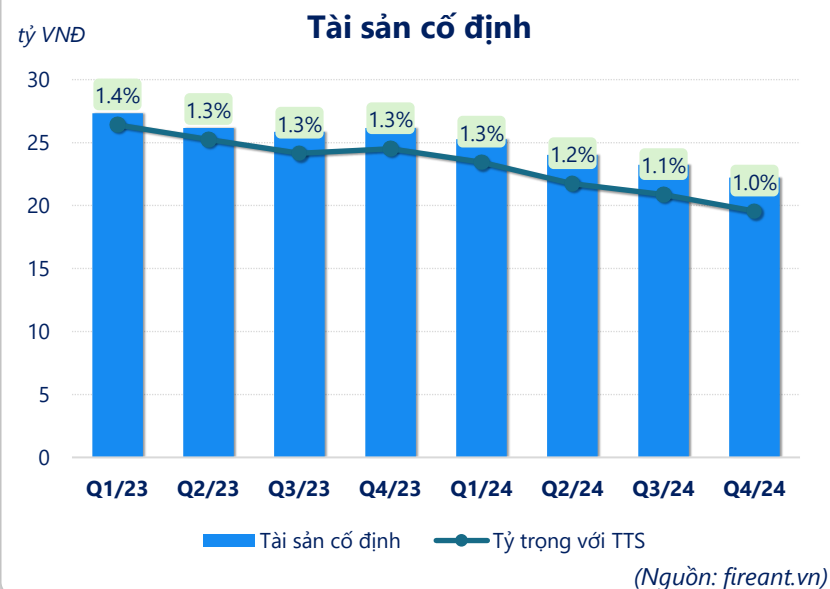
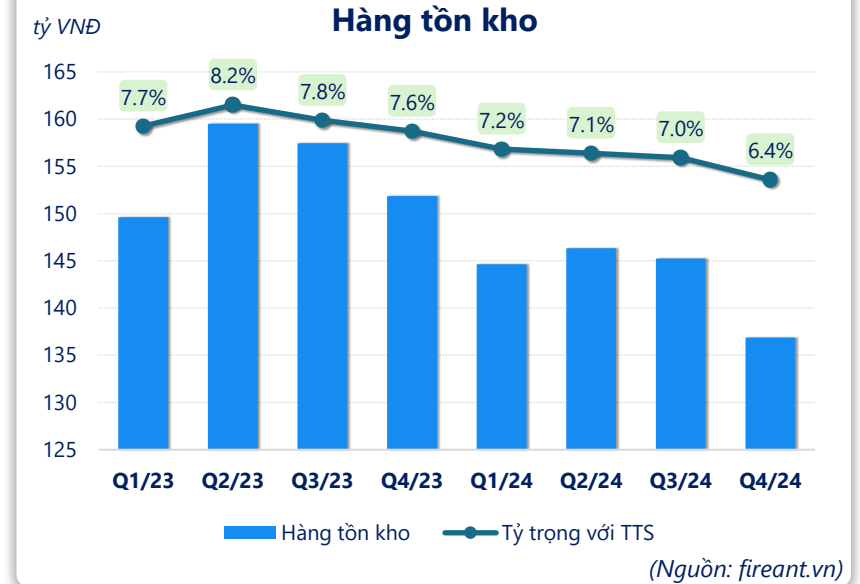
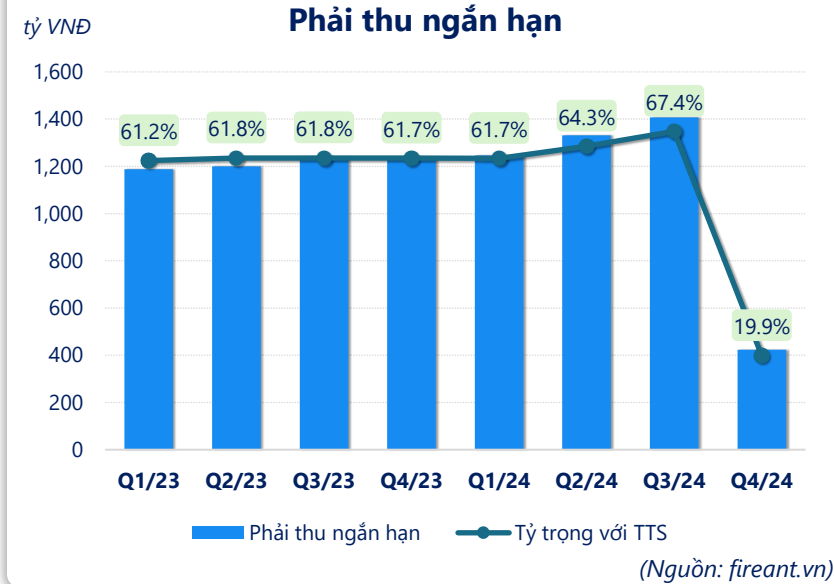
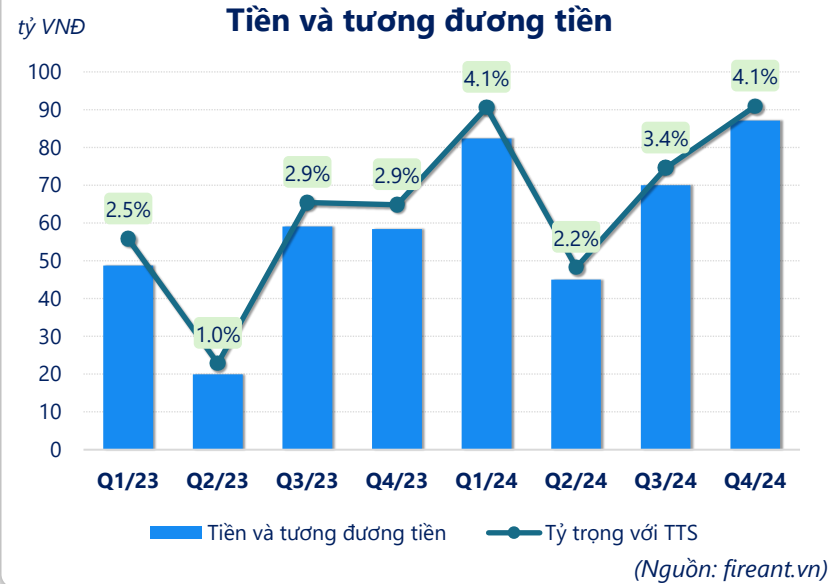
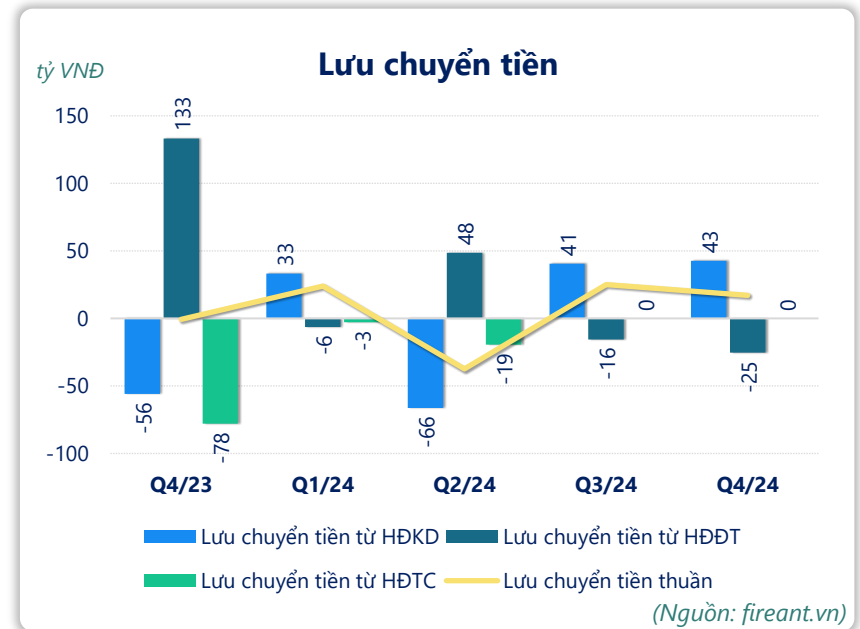
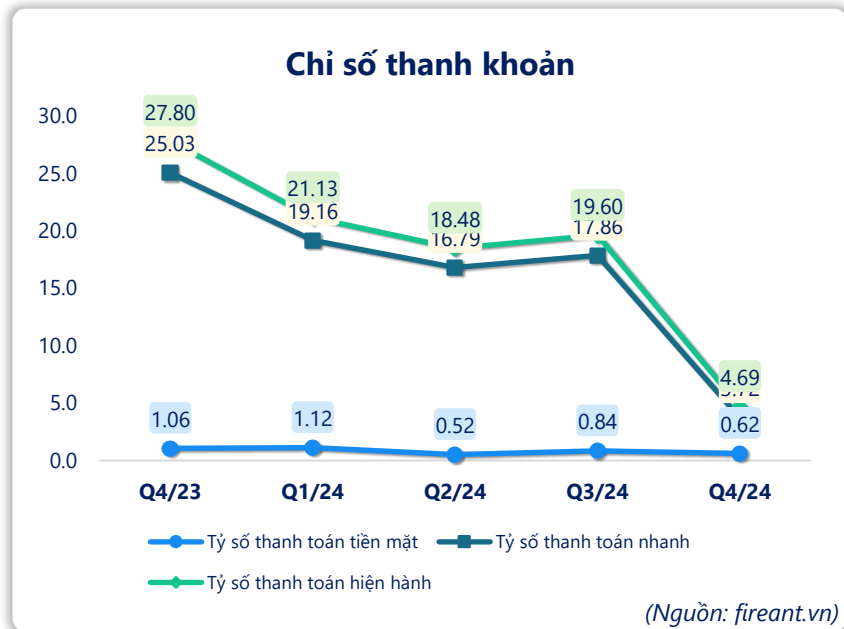
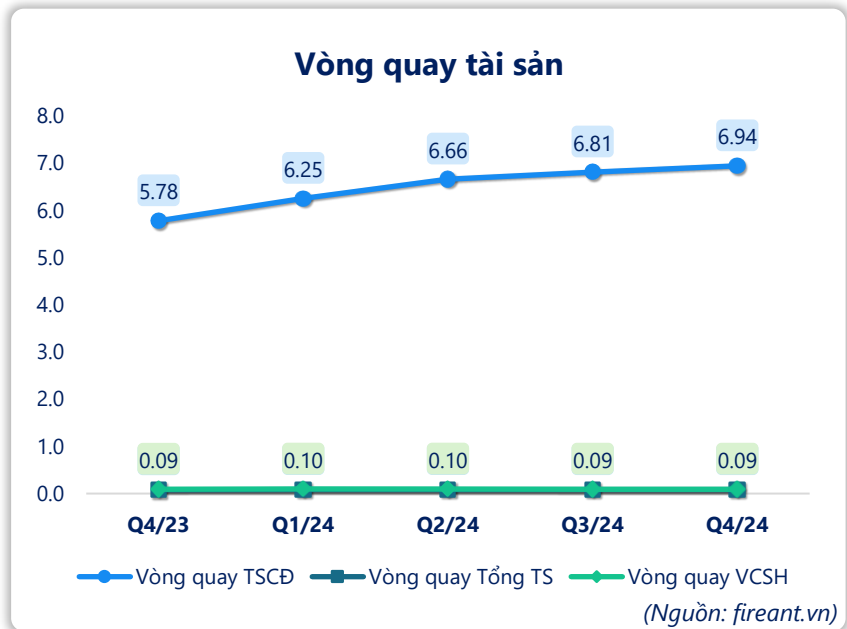
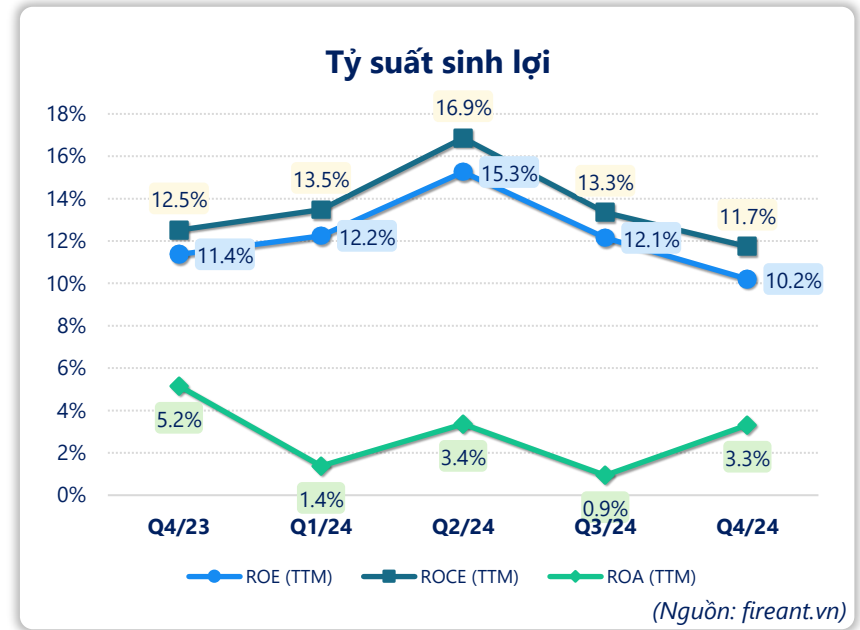
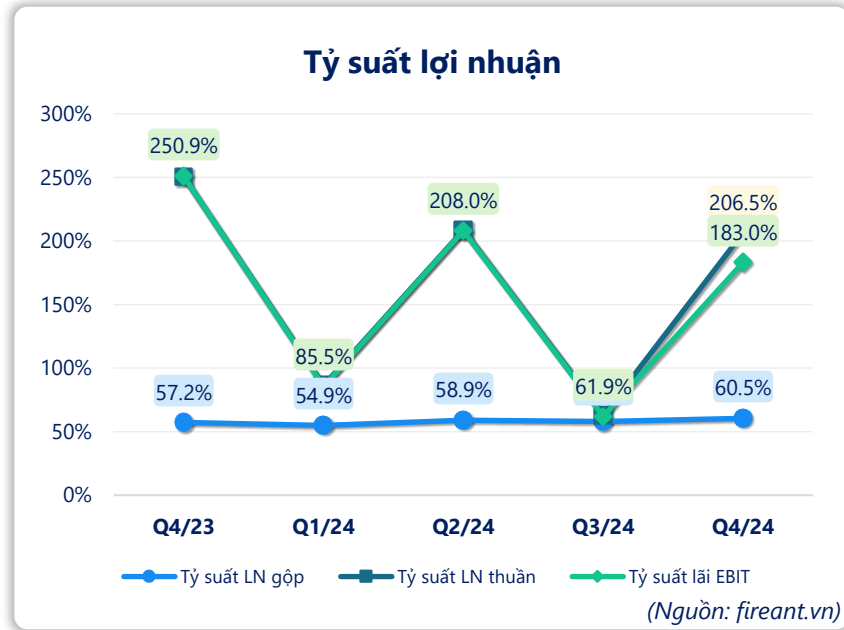
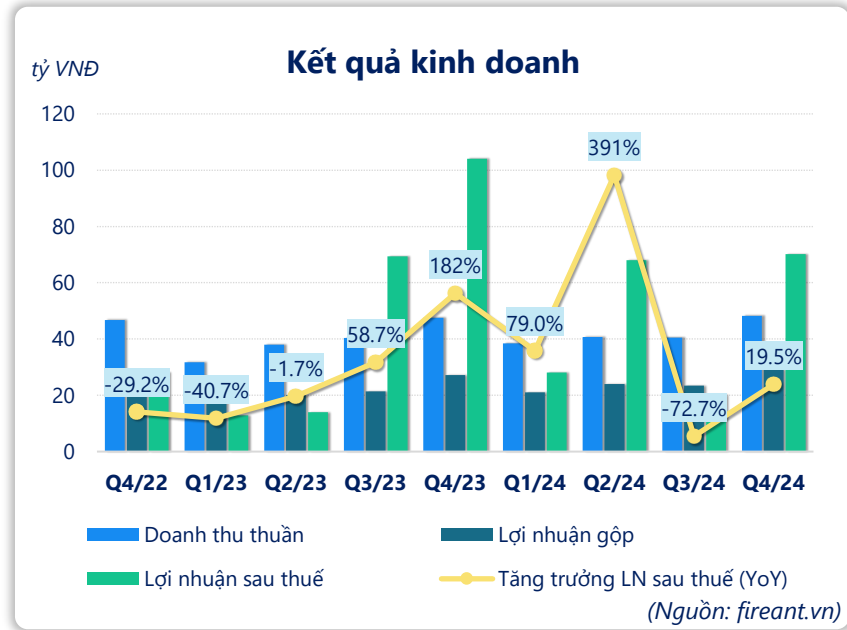


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		21,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		27,201
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		20,180
SL cổ phiếu LH		65,007,857
KLGD BQ 20 phiên (CP)		100,800
% sở hữu nước ngoài		17.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,385
P/E		7.6
EPS		2,808

	YTD	1T	3T	6T
TIP		4.6%	-1.4%	-11.4%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	2,129	1,980	7.5%
Tài sản ngắn hạn	660	1,525	-56.7%
Tiền và tương đương tiền	87.1	58.4	49.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.30	76.4	-87.8%
Phải thu ngắn hạn	424	1,236	-65.7%
Hàng tồn kho	137	152	-9.9%
Tài sản ngắn hạn khác	2.69	2.62	2.7%
Tài sản dài hạn	1,469	455	223%
Phải thu dài hạn	1,033	21.8	4634%
Tài sản cố định	22.2	26.2	-15.1%
Bất động sản đầu tư	26.0	23.8	9.1%
Tài sản dở dang	1.30	11.0	-88.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	351	334	4.9%
Tài sản dài hạn khác	35.8	37.5	-4.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	317	237	33.8%
Nợ ngắn hạn	141	54.9	156%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	3.40	4.67	-27.1%
Nợ dài hạn	176	182	-3.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,812	1,743	4.0%
Vốn chủ sở hữu	1,812	1,743	4.0%
Vốn điều lệ	650	650	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	47.5	38.4	40.7	40.5	48.3
Giá vốn hàng bán	20.3	17.3	16.7	17.0	19.1
Lợi nhuận gộp	27.2	21.1	24.0	23.5	29.2
Doanh thu HĐTC	92.1	4.64	67.8	7.00	80.4
Chi phí TC	5.71	-13.3	0.11	-0.11	2.79
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	15.6	1.85	0.60	1.83	1.57
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	10.0	7.68	7.34	6.95	8.75
LN thuần từ HĐKD	119	33.2	84.9	25.5	99.7
Lợi nhuận khác	0.12	-0.35	-0.23	-0.39	-11.3
LN trước thuế	119	32.8	84.7	25.1	88.3
Lợi nhuận sau thuế	104	28.1	68.0	20.3	70.2
LNST của CĐ cty mẹ	103	27.3	67.5	19.2	68.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-55.9	33.1	-66.4	40.6	42.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	133	-6.28	48.5	-15.6	-25.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-78.0	-2.86	-19.5	0	0
Tiền đầu kỳ	59.1	58.4	82.4	45.0	70.0
Lưu chuyển tiền thuần	-0.70	24.0	-37.4	25.0	17.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	58.4	82.4	45.0	70.0	87.1

(Nguồn: fireant.vn)